TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/11/2023.
V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Triệu Đình Đường

2/ Ông Vũ Đình Hưng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Huyền Trang – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Minh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2023/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc:*"Không công nhận quan hệ vợ chồng"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nông Công H**; sinh năm 1982;
- Bị đơn: Bà **Trịnh Thị K**, sinh năm 1983;

Đều có HKTT: Thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Đều cư trú tại: Tổ 11, phường Ph, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2023, bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, nguyên đơn ông Nông Công H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà Trịnh Thị K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 đến nay nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau đám cưới thì vợ chồng về chung sống cùng gia đình ông H tại Thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn được khoảng 02 năm thì ra ở riêng ở cùng thôn từ năm 2004, đến năm 2019 thì ông bà mua nhà đất tại thành phố B và chuyển ra sinh sống, làm ăn tại thành phố B cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, đến năm năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp

tính tình, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Ông và bà K đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai bên không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà Trịnh Thị K là vợ chồng.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, ông và bà K đã có 01 con chung tên là Nông Minh M, sinh ngày 26/9/2002. Con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay con đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, vay nợ chung:* Ông và bà K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung.

Tại bản tự khai bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Trịnh Thị K trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Nông Công H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 đến nay nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau đám cưới thì vợ chồng bà về chung sống cùng gia đình chồng tại Thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn được khoảng 03 năm thì ra ở riêng ở cùng thôn từ năm 2005, đến năm 2018 thì ông bà chuyển ra mua nhà đất tại thành phố B và sinh sống, làm ăn tại thành phố B cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Bà và ông H đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông H thì bà hoàn toàn nhất trí.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, bà và ông H đã có 01 con chung, tên là Nông Minh M, sinh ngày 26/9/2002. Con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Do hiện nay con chung Nông Minh M đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, vay nợ chung:* Bà và ông Nông Công H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các Biên bản xác minh ngày 26/10/2023, tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, Tòa án được cung cấp thông tin như sau: Ông Nông Công H và bà Trịnh Thị K chung sống với nhau như vợ chồng tại Thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn từ năm 2002 đến năm 2019 thì chuyển ra sinh sống và làm việc tại thành phố B, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, ông H và bà K đã có với nhau 01 con chung tên là Nông Minh M, sinh ngày 26/9/2002. Tuy nhiên giữa hai bên có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nên hiện nay đã sống ly thân.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình Tòa án mở phiên tòa để xét xử, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Công H. Cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nông Công H và bà Trịnh Thị K.

+ Về con chung: Con chung đã thành niên, khỏe mạnh, phát triển bình thường, các đương sự đều không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung do vậy đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Do ông Nông Công H và bà Trịnh Thị K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trịnh Thị K cư trú tại phường Ph, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Nông Công H và bị đơn bà Trịnh Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là bảo đảm đúng các quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nông Công H và bà Trịnh Thị K chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 2002 đến nay nhưng không làm thủ

tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý*". Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Nông Công H và bà Trịnh Thị K không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Theo quy định của khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì:*" Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng..."*

Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016: "*Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ…."*

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nông Công H và bà Trịnh Thị K.

[3] Về nuôi con chung: Ông Nông Công H và bà Trịnh Thị K đều xác nhận ông bà có 01 con chung tên là Nông Minh M, sinh ngày 26/9/2002. Con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay đã thành niên nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung. Do vậy HĐXX không xem xét về nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Các bên đương sự đều có lời khai thống nhất là không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Công H. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nông Công H và bà Trịnh Thị K.

2. Về nuôi con chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn ông Nông Công H phải chịu 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)*, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002433, ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận ông H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND TP B;
- Chi cục THADS TP B;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện N;
- Lưu HS;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- UBND xã Yến Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Anh Tuấn